

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán của Văn phòng Công ty	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty	12 - 51

140
CHI
CỔ
CƠ NH
PH
VNST
VIỆ
TẠI
V KI

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 2 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	
Ông Võ Quang Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng
Ông Trần Hùng Giang
Ông Nguyễn Mạnh Hải

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

U H
JNC
P/

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

VIỆT NAM
T. M. O. U. S. A.

Số tham chiếu: 61141397/17157893

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính này và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 26 tháng 3 năm 2015 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Lã Quý Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		664.433.247.266	576.970.152.370
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	45.029.468.184	96.978.175.285
111	1. Tiền		38.877.208.198	11.978.175.285
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.152.259.986	85.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	19.251.543.907	4.199.996.983
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		22.214.215.740	7.162.715.740
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(2.962.671.833)	(2.962.718.757)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		498.542.986.924	410.136.348.815
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	330.540.245.170	285.223.830.132
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	42.536.923.080	27.727.420.084
133	3. Phải thu nội bộ	28	598.873.033	18.108.060
135	4. Các khoản phải thu khác	7	127.887.331.181	122.406.155.697
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,7	(3.020.385.540)	(25.239.165.158)
140	IV. Hàng tồn kho	8	72.464.230.036	44.976.169.656
141	1. Hàng tồn kho		72.464.230.036	44.976.169.656
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.145.018.215	20.679.461.631
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		420.384.544	249.406.705
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.322.296.845	2.833.304.906
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	21.402.336.826	17.596.750.020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		433.003.474.407	381.180.608.526
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.256.025.938	7.616.025.938
212	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	28	9.256.025.938	7.616.025.938
220	II. Tài sản cố định		186.154.085.247	151.027.048.952
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	151.841.389.206	110.328.471.475
222	Nguyên giá		189.526.601.572	143.527.194.943
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(37.685.212.366)	(33.198.723.468)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	38.018.564	6.423.900.000
228	Nguyên giá		43.039.881	7.100.100.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.021.317)	(676.200.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	34.274.677.477	34.274.677.477
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	231.076.875.035	212.373.911.134
251	1. Đầu tư vào công ty con		95.902.860.000	83.850.560.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000.000	9.750.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		158.803.982.001	135.803.186.137
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(28.629.966.966)	(17.029.835.003)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.516.488.187	10.163.622.502
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	6.420.278.187	10.068.762.502
268	2. Tài sản dài hạn khác		96.210.000	94.860.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.097.436.721.673	958.150.760.896

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		381.978.940.855	290.020.521.866
310	I. Nợ ngắn hạn		362.463.155.907	280.173.405.877
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	63.895.628.709	70.143.981.559
312	2. Phải trả người bán	16.1	190.597.221.338	169.162.209.964
313	3. Người mua trả tiền trước	16.2	66.003.519.445	5.473.419.596
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	12.087.215.315	8.341.851.682
315	5. Phải trả người lao động		5.609.898.406	571.993.368
316	6. Chi phí phải trả		375.569.773	371.081.549
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	19.001.240.060	17.123.997.672
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19.1	2.335.142.778	5.634.922.904
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.557.720.083	3.349.947.583
330	II. Nợ dài hạn		19.515.784.948	9.847.115.989
334	1. Vay và nợ dài hạn	20	10.365.139.217	-
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19.2	4.148.620.811	4.443.143.026
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		5.002.024.920	2.809.823.993
339	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	2.594.148.970
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		715.457.780.818	668.130.239.030
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	715.457.780.818	668.130.239.030
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		379.399.090.000	373.399.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		118.432.900.000	117.832.900.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(71.500.000)	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		16.616.332.230	15.116.332.230
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		15.358.923.346	13.858.923.346
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		180.522.035.242	142.722.993.454
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.097.436.721.673	958.150.760.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG
 H Á
 G T
 M I
 & Y
 N A
 Á M

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)		1.561.325.473	1.561.325.473
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		7.893.34	90.001
- Đồng Euro (EUR)		-	20.597



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	265.845.484.933	392.497.913.514
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	265.845.484.933	392.497.913.514
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(177.247.360.057)	(333.306.490.340)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.598.124.876	59.191.423.174
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	54.410.538.126	60.776.735.547
22	6. Chi phí tài chính	24	(18.428.526.553)	(5.283.392.435)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.669.975.479)	(3.047.318.317)
24	7. Chi phí bán hàng		(13.593.254.618)	(3.415.421.522)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(38.060.250.552)	(56.619.285.200)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		72.926.631.279	54.650.059.564
31	10. Thu nhập khác	25	16.096.079.458	1.351.956.806
32	11. Chi phí khác	25	(11.180.580.872)	(503.028.250)
40	12. Lợi nhuận khác	25	4.915.498.586	848.928.556
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		77.842.129.865	55.498.988.120
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.591.160.877)	(6.146.777.411)
52	15. Thu nhập thuế hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		75.250.968.988	49.352.210.709

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA VÂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		284.544.443.342	323.401.247.038
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(202.157.806.549)	(358.224.169.572)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(37.827.092.163)	(38.531.574.738)
04	Tiền chi trả lãi		(5.669.975.479)	(2.975.120.171)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	27.2	(1.693.359.669)	(3.605.994.258)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		28.574.903.965	4.048.490.123
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(32.043.339.162)	(24.599.684.194)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		33.727.774.285	(100.486.805.772)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(67.225.303.411)	(40.649.609.625)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.476.276.273	194.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(21.680.000.000)	(1.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.398.500.000	12.900.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(19.552.300.000)	(32.687.464.230)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		11.484.404.136	10.558.376.417
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.104.681.533	48.816.838.738
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(66.993.741.469)	(1.867.131.427)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		6.600.000.000	7.150.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(71.500.000)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		112.969.149.556	89.627.637.037
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(108.852.363.189)	(19.464.780.678)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.329.579.922)	(64.345.400.506)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(18.684.293.555)	12.967.455.853

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(51.950.260.739)	(89.386.481.346)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		96.978.175.285	185.781.233.767
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		1.553.638	583.422.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	45.029.468.184	96.978.175.285






Người lập: Chu Hồng Hạnh Kế toán trưởng: Đặng Thị Thanh Minh Tổng Giám đốc: Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 2 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 195 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 164).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45 %	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
3	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom (i)	100%	100%	Tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin.
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (ii)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc (iii)	59,23%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học.
6	Công ty Cổ phần Elcom Plus (iv)	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
7	Công ty TNHH VTS Hải Phòng (v)	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

- (i) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 413041000048 do Ban Quản lý khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011, Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 100% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này chưa đi vào hoạt động.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.
- (iii) Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106518955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đang thực hiện dự án Quỹ thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ngày 14 tháng 4 năm 2014. Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (iv) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0106659610 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 10 năm 2014, Công ty Cổ phần Elcom Plus được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (v) Đây là công ty con mới thành lập trong năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106645015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có chi nhánh và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("Thông tư 52") và theo hướng dẫn tại Công văn số 2739/UBCK-PTTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề ngày 2 tháng 8 năm 2012 và Công văn số 1392/2012/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 3 tháng 8 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
 CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ
 VIỄN THÔNG
 T.P.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Cũng theo quy định tại Thông tư 52, Công ty cũng đã lập và phát hành báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày vào ngày 26 tháng 3 năm 2015.

Báo cáo tài chính này chỉ trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cần đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và chi nhánh và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính tổng hợp/hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

15/01/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

TRÁI
ER
DÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

174
CHI
CỔ
H NH
157
VIỆT
AI H
VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

002
PHÁI
G T
M H
S YC
HAI
NỘ
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

32
H
TU H
UN
1
-11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	242.336.536	144.687.040
Tiền gửi ngân hàng	38.634.871.662	11.833.488.245
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>6.152.259.986</u>	<u>85.000.000.000</u>
	<u>45.029.468.184</u>	<u>96.978.175.285</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VNĐ với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,8%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (i)	4.414.215.740	4.414.215.740
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	6.800.000.000	-
Các khoản cho vay khác (iii)	6.000.000.000	2.748.500.000
Các khoản cho bên liên quan vay (iv) (Thuyết minh số 28)	<u>5.000.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>22.214.215.740</u>	<u>7.162.715.740</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.962.671.833)	(2.962.718.757)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VÂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào cổ phiếu ngắn hạn được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số cổ phần</i>	<i>VNĐ</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>VNĐ</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	6.819	67.295.740	6.621	67.295.740
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	140.771	4.346.920.000	140.771	4.346.920.000
		4.414.215.740		4.414.215.740

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm với lãi suất 7,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

(iii) Bao gồm các khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm.

(iv) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 14%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	318.910.851.521	258.639.415.235
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.629.393.649	26.584.414.897
	330.540.245.170	285.223.830.132
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.409.960.540)	(3.812.667.753)

6.2 Trả trước cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	28.255.023.080	13.290.845.084
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	14.281.900.000	14.436.575.000
	42.536.923.080	27.727.420.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	94.849.900.321	62.439.450.882
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (ii)	-	14.799.200.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nam Sơn (ii)	-	12.186.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.380.680.176	2.921.641.362
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương	1.535.736.137	1.971.029.957
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.478.885.279	1.228.885.279
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.057.777.778	357.777.778
Phải thu Công ty Liên doanh khai mỏ Đông Dương	100.000.000	500.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	260.000.000	461.636.000
Phải thu cổ tức từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	1.600.000.000
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm (iii)	6.240.240.105	5.969.537.308
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	2.005.750.000
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	3.148.000.000	3.648.000.000
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	2.548.010.366
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	3.482.351.019	1.769.236.765
	127.887.331.181	122.406.155.697
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>27.093.002.986</i>	<i>54.043.105.348</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>100.794.328.195</i>	<i>68.363.050.349</i>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(1.610.425.000)	(21.426.497.405)

(i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

(ii) Công ty đã thỏa thuận với các công ty này để chuyển đổi các khoản phải thu nêu trên thành vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Trung Văn (Thuyết minh số 13.3).

(iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

10/06
 HẮP
 3 T
 M H
 & YC
 NAI
 MỘ
 1-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên vật liệu	14.500.000	-
Công cụ, dụng cụ	12.897.685	109.155.822
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.902.696.333	33.675.901.746
Thành phẩm	637.822.407	366.590.397
Hàng hóa	17.896.313.611	10.824.521.691
	<u>72.464.230.036</u>	<u>44.976.169.656</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	6.798.450.285	7.980.571.902
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	14.603.886.541	9.616.178.118
	<u>21.402.336.826</u>	<u>17.596.750.020</u>

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện các hợp đồng nhập khẩu thiết bị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	75.963.003.731	26.809.326.315	25.614.094.246	15.140.770.651	143.527.194.943
- Mua trong năm	-	65.265.794.538	-	216.959.000	65.482.753.538
- Đầu tư XDCB hoàn thành	932.894.388	-	-	766.615.604	1.699.509.992
- Giảm do bán, thanh lý	-	(18.371.122.406)	(2.711.534.495)	(100.200.000)	(21.182.856.901)
Số cuối năm	<u>76.895.898.119</u>	<u>73.703.998.447</u>	<u>22.902.559.751</u>	<u>16.024.145.255</u>	<u>189.526.601.572</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	2.746.602.331	-	2.746.602.331
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	3.577.568.223	12.856.226.712	14.372.496.622	2.392.431.911	33.198.723.468
- Khấu hao trong năm	3.146.331.489	13.016.267.410	3.963.644.561	2.581.704.162	22.707.947.622
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.484.874.214)	(2.711.534.495)	(25.050.015)	(18.221.458.724)
Số cuối năm	<u>6.723.899.712</u>	<u>10.387.619.908</u>	<u>15.624.606.688</u>	<u>4.949.086.058</u>	<u>37.685.212.366</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>72.385.435.508</u>	<u>13.953.099.603</u>	<u>11.241.597.624</u>	<u>12.748.338.740</u>	<u>110.328.471.475</u>
Số cuối năm	<u>70.171.998.407</u>	<u>63.316.378.539</u>	<u>7.277.953.063</u>	<u>11.075.059.197</u>	<u>151.841.389.206</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 15)</i>	1.392.857.143	-	4.117.102.195	-	5.509.959.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	7.100.100.000	-	7.100.100.000
- Mua trong năm	-	43.039.881	43.039.881
- Giảm trong năm	(7.100.100.000)	-	(7.100.100.000)
Số cuối năm	-	43.039.881	43.039.881
Giá trị hao mòn:			
Số đầu năm	676.200.000	-	676.200.000
- Hao mòn trong năm	154.962.500	5.021.317	159.983.817
- Giảm trong năm	(831.162.500)	-	(831.162.500)
Số cuối năm	-	5.021.317	5.021.317
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	6.423.900.000	-	6.423.900.000
Số cuối năm	-	38.018.564	38.018.564

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH953086 cấp năm 2009, với giá trị là 7,1 tỷ đồng. Giá trị này chủ yếu bao gồm tiền thuê đất, thuế và các chi phí trả trước khác.

Theo Quyết định số 1845/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 27 tháng 6 năm 2012, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã công bố về việc thu hồi quyền sử dụng đất nêu trên, đồng thời giá trị tài sản trên đất sẽ được đền bù theo đơn giá được áp dụng của UBND tỉnh Hà Tĩnh với giá trị 1,1 tỷ đồng. Ngoài ra, theo Quyết định số 2855/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 16 tháng 9 năm 2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định hoàn trả 1,089 tỷ đồng tiền thuế đất cho Công ty.

Công ty đã thực hiện theo quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Tĩnh và đã tiến hành bàn giao lại lô đất này cho UBND tỉnh Hà Tĩnh và ghi giảm giá trị tài sản này trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng hệ thống phòng sạch	1.368.873.980	1.368.873.980
Dự án Thanh Trì (*)	32.564.011.612	32.564.011.612
Dự án Từ Liêm	246.601.885	246.601.885
Các dự án khác	95.190.000	95.190.000
	34.274.677.477	34.274.677.477

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Công ty đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Công văn số 4119/UBND-KH&ĐT ngày 13 tháng 5 năm 2009 về việc cho phép Công ty nghiên cứu lập và triển khai dự án này theo phương thức tự thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự án hiện vẫn trong giai đoạn xin cấp phép quy hoạch mới.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Đầu tư vào công ty con	13.1	95.902.860.000	83.850.560.000
Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	5.000.000.000	9.750.000.000
Đầu tư dài hạn khác	13.3	158.803.982.001	135.803.186.137
- Đầu tư cổ phiếu		105.675.448.324	71.190.248.324
- Cho công ty con vay dài hạn		14.400.000.000	14.400.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		38.728.533.677	50.212.937.813
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(28.629.966.966)	(17.029.835.003)
		231.076.875.035	212.373.911.134

13.1 Đầu tư vào công ty con

	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	
		<i>Số cổ phần</i>	<i>VNĐ</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	1.491.722	36.489.820.000	1.491.722	36.489.820.000
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	3.000.000	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	52,44%	626.074	17.360.740.000	626.074	17.360.740.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	1.205.230	12.052.300.000	-	-
			95.902.860.000		83.850.560.000
Dự phòng giảm giá đầu tư công ty con			(9.551.093.240)		(5.966.672.424)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	40%	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	30%	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân (i)	-	-	-	475.000	4.750.000.000
			5.000.000.000		9.750.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết

-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty liên kết này như sau:

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)		Trụ sở chính	Hoạt động chính
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	40%	40%	18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác.
Công ty Cổ phần Phần mềm và Dịch vụ Viễn thông	30%	30%	102/125 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (i)	17,14%	34,88%	Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển khoa học thực nghiệm, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

(i) Trong năm 2014, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân giảm xuống còn 17,14% do Công ty không tham gia vào đợt tăng vốn cổ phần của công ty này. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại lại thành đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Đầu tư cổ phiếu		105.675.448.324		71.190.248.324
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.250.000	28.590.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	52.081	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	10.800	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	36.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.645.000	21.100.898.824	1.645.000	21.100.898.824
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	30.000	750.000.000	30.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Trung Văn (i)	371.699	26.985.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	750.000	7.500.000.000	-	-
Cho công ty con vay dài hạn		14.400.000.000		14.400.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới (ii)		14.400.000.000		14.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác		38.728.533.677		50.212.937.813
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (iii)		37.771.500.000		37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương (iv)		957.033.677		12.441.437.813
		158.803.982.001		135.803.186.137
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		(19.078.873.726)		(11.063.162.579)

- (i) Đây là các khoản phải thu gốc và lãi từ các hợp đồng ủy thác đầu tư Công ty đã ký kết với Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nam Sơn trong năm 2011 (xem Thuyết minh số 7). Theo Nghị quyết số 01-11/2014/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông, giá trị các khoản ủy thác đầu tư này đã được chuyển thành khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trung Văn, tương đương với 371.699 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ.
- (ii) Đây là khoản cho công ty con vay dài hạn. Khoản cho vay dài hạn này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7%/năm trong năm 2014.
- (iii) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.
- (iv) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/2013/HĐHT/ITELCOM-ELCOM giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương và Công ty với mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh dịch vụ VoIP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	480.420.020	2.987.268.075
Sửa chữa văn phòng	-	548.738.815
Tiền thuê đất tại thị trấn Thiên Cẩm	-	684.997.445
Chi phí hoàn thành dự án nuôi tôm (*)	5.939.858.168	5.867.758.167
	6.420.278.188	10.068.762.502

(*) Đây là chi phí nghiên cứu cho dự án nuôi tôm của Công ty thực hiện tại Sóc Trăng từ năm 2013. Dự án vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm vi sinh trên tôm.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	48.875.481.709	70.143.981.559
Vay ngắn hạn cá nhân	9.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	5.520.147.000	-
	63.895.628.709	70.143.981.559

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	48.875.481.709	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 17 tháng 12 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	Từ 6,8% đến 10%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ông Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản vay cùng lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2015	5%/năm	Tin chấp
Ông Nguyễn Thanh Sơn	7.000.000.000	Kỳ hạn vay 4 tháng. Khoản vay cùng lãi vay trả vào ngày 28 tháng 2 năm 2015	8,5%/năm	Tin chấp
	58.375.481.709			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	173.390.610.006	152.710.025.166
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	17.206.611.332	16.452.184.798
	<u>190.597.221.338</u>	<u>169.162.209.964</u>

16.2 Người mua trả tiền trước

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước	31.002.226.998	5.449.812.149
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 28)	35.001.292.447	23.607.447
	<u>66.003.519.445</u>	<u>5.473.419.596</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	6.606.790.044	5.708.988.836
Thuế thu nhập cá nhân	5.460.496.607	2.632.862.846
Thuế nhà thầu	9.964.332	-
	<u>12.087.215.315</u>	<u>8.341.851.682</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhập khẩu ủy thác phải trả	8.004.108.824	8.004.108.824
Thù lao phải trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Kinh phí công đoàn	3.223.391.979	2.908.411.099
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.361.093.567	1.341.093.567
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	731.116.383	690.180.505
Phải trả hàng mang đi bảo hành	1.680.925.059	186.562.833
Phải trả phải nộp khác	595.722.018	588.758.614
	<u>19.001.240.060</u>	<u>17.123.997.672</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	1.273.828.854	1.273.828.854
<i>Phải trả khác</i>	17.727.411.206	15.850.168.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

19.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng bảo hành hàng hóa	2.335.142.778	1.717.501.813
Dự phòng tiền lương	-	3.917.421.091
	<u>2.335.142.778</u>	<u>5.634.922.904</u>

19.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng bảo hành hàng hóa	4.148.620.811	4.443.143.026
	<u>4.148.620.811</u>	<u>4.443.143.026</u>

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng	15.885.286.217	-
	<u>15.885.286.217</u>	<u>-</u>
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	5.520.147.000	-
Vay dài hạn	10.365.139.217	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Bên cho vay	Số cuối năm	Thời hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	3.996.632.181	36 tháng bắt đầu từ ngày 4 tháng 7 năm 2014.	10%/ năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
<i>Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.599.000.000</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	8.248.919.036	32 tháng bắt đầu từ ngày 7 tháng 11 năm 2014.	8%/ năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
<i>Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.193.200.000</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	3.639.735.000	48 tháng bắt đầu từ ngày 27 tháng 12 năm 2014.	8%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
<i>Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>727.947.000</i>			
Tổng cộng	<u>15.885.286.217</u>			
<i>Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.520.147.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	366.249.090.000	117.832.900.000	-	12.816.332.230	10.358.923.346	3.000.000.000	170.759.459.096	681.016.714.672
- Tăng vốn	7.150.000.000	-	-	-	-	-	-	7.150.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	49.352.210.709	49.352.210.709
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(65.924.836.200)	(65.924.836.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	2.300.000.000	3.500.000.000	2.200.000.000	(8.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(563.850.151)	(563.850.151)
Số cuối năm	<u>373.399.090.000</u>	<u>117.832.900.000</u>	<u>-</u>	<u>15.116.332.230</u>	<u>13.858.923.346</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>142.722.993.454</u>	<u>668.130.239.030</u>
Năm nay								
Số đầu năm	373.399.090.000	117.832.900.000	-	15.116.332.230	13.858.923.346	5.200.000.000	142.722.993.454	668.130.239.030
- Tăng vốn trong năm (*)	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	75.250.968.988	75.250.968.988
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	(30.351.927.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	(3.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	(71.500.000)
Số cuối năm	<u>379.399.090.000</u>	<u>118.432.900.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>16.616.332.230</u>	<u>15.358.923.346</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>180.522.035.242</u>	<u>715.457.780.818</u>

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành và niêm yết bổ sung 600.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 11.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 001/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Số lượng cổ phiếu phổ thông này được chính thức niêm yết từ ngày 6 tháng 3 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	37.939.909	37.939.909	-	37.339.909	37.339.909	-
	37.939.909	37.939.909	-	37.339.909	37.339.909	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	373.399.090.000	366.249.090.000
Tăng vốn trong năm	6.000.000.000	7.150.000.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	379.399.090.000	373.399.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.351.927.200	65.924.836.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2013: 10.000 VNĐ)

21.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	37.939.909	37.339.909
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	37.939.909	37.339.909
Cổ phiếu phổ thông	37.939.909	37.339.909
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	6.500	-
Cổ phiếu phổ thông	6.500	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.933.409	37.339.909
Cổ phiếu phổ thông	37.933.409	37.339.909
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

21.5 Cổ tức

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	30.351.927.200	65.924.836.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	30.351.927.200	65.924.836.200
Cổ tức cho năm 2013: 800 VNĐ/cổ phiếu	30.351.927.200	-
Cổ tức cho năm 2012: 1.000 VNĐ/cổ phiếu	-	65.924.836.200
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	265.845.484.933	392.497.913.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>110.710.985.193</i>	<i>175.192.133.216</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>94.600.286.302</i>	<i>204.637.172.727</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>59.191.232.560</i>	<i>7.969.719.428</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>1.342.980.878</i>	<i>4.698.888.143</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	265.845.484.933	392.497.913.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>110.710.985.193</i>	<i>175.192.133.216</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>94.600.286.302</i>	<i>204.637.172.727</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>59.191.232.560</i>	<i>7.969.719.428</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>1.342.980.878</i>	<i>4.698.888.143</i>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.995.564.242	9.035.098.234
Lợi nhuận công ty con chuyển về	36.412.155.028	20.199.401.681
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	13.774.910.389	29.331.575.454
Cổ tức, lợi nhuận được chia	837.501.313	2.148.859.537
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	390.407.154	61.800.641
	54.410.538.126	60.776.735.547

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	90.739.870.789	138.587.931.471
Giá vốn của hàng hóa đã bán	66.002.414.731	184.742.438.697
Giá vốn thành phẩm phần mềm	19.552.136.087	7.317.277.615
Giá vốn của thành phẩm khác	952.938.450	2.658.842.557
	177.247.360.057	333.306.490.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi tiền vay	5.669.975.479	3.047.318.317
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	259.574.542	521.443.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	898.849.050	2.131.581.012
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	11.600.085.039	5.265.917.081
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (*)	-	(8.000.000.000)
Lỗ nhượng bán chứng khoán	-	2.317.101.176
Chi phí tài chính khác	32.443	31.442
	18.428.526.553	5.283.392.435

(*) Công ty đã hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà với số tiền là 8 tỷ đồng theo Quyết định của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 27 tháng 11 năm 2012 về xử lý thuế và xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế.

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	16.096.079.458.	1.351.956.806
Thu thuế GTGT nộp thay nhà thầu không phải trả	-	902.002.509
Thu hoa hồng bán hàng	-	71.097.284
Thu thanh lý tài sản cố định	10.576.276.273	194.727.273
Thu nhập khác	5.519.803.185	184.129.740
Chi phí khác	11.180.580.872	503.028.250
Chi phí thanh lý tài sản cố định	10.623.019.965	488.948.487
Chi phí khác	557.560.907	14.079.763
LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC	4.915.498.586	848.928.556

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.115.596.143	1.002.613.918
Chi phí mua hàng hóa	77.976.898.304	220.251.390.517
Chi phí nhân công	46.827.734.820	43.614.355.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.867.931.439	15.677.083.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.785.668.162	79.356.021.547
Chi phí dự phòng bảo hành	1.614.814.071	(9.647.377.801)
Chi phí bằng tiền khác	34.638.775.438	26.689.847.745
	267.827.418.377	376.943.934.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.591.160.877	6.146.777.411
	<u>2.591.160.877</u>	<u>6.146.777.411</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

1/2
 1/3
 1/4
 1/5
 1/6
 1/7
 1/8
 1/9
 1/10
 1/11
 1/12
 1/13
 1/14
 1/15
 1/16
 1/17
 1/18
 1/19
 1/20
 1/21
 1/22
 1/23
 1/24
 1/25
 1/26
 1/27
 1/28
 1/29
 1/30
 1/31
 1/32
 1/33
 1/34
 1/35
 1/36
 1/37
 1/38
 1/39
 1/40
 1/41
 1/42
 1/43
 1/44
 1/45
 1/46
 1/47
 1/48
 1/49
 1/50
 1/51
 1/52
 1/53
 1/54
 1/55
 1/56
 1/57
 1/58
 1/59
 1/60
 1/61
 1/62
 1/63
 1/64
 1/65
 1/66
 1/67
 1/68
 1/69
 1/70
 1/71
 1/72
 1/73
 1/74
 1/75
 1/76
 1/77
 1/78
 1/79
 1/80
 1/81
 1/82
 1/83
 1/84
 1/85
 1/86
 1/87
 1/88
 1/89
 1/90
 1/91
 1/92
 1/93
 1/94
 1/95
 1/96
 1/97
 1/98
 1/99
 1/100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập tính thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	77.842.129.865	55.498.988.120
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(35.429.643.794)	(30.361.908.907)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí khấu hao vượt định mức	2.403.181.064	627.393.512
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	538.489.724	532.393.512
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	1.864.691.340	95.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(37.832.824.858)	(30.989.302.419)
Thu nhập đã tính thuế từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	(36.412.155.028)	(20.199.401.681)
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(837.501.313)	(10.148.859.537)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(583.168.517)	(641.041.201)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	42.412.486.071	25.137.079.213
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm	39.644.623.873	687.461.959
Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	2.767.862.198	24.449.617.254
Thu nhập chịu thuế tính thuế ước tính trong năm hiện tại	42.412.486.071	25.137.079.213
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện tại	2.591.160.877	6.146.777.411
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ phần mềm	1.982.231.194	34.373.098
Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, hàng hóa	608.929.683	6.112.404.313
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.708.988.836	3.168.205.683
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.693.359.669)	(3.605.994.258)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	6.606.790.044	5.708.988.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua hàng hóa Cho thuê nhà Bán hàng hoá Lợi nhuận được chia	38.617.858.640 2.821.305.721 736.567.000 36.412.155.028
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Cho vay không lãi Bán hàng hoá Cho thuê nhà Lãi vay Mua hàng	250.000.000 2.070.000.000 367.008.012 1.022.000.000 381.600.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Cho vay không lãi Cho thuê xe ô tô	2.250.000.000 6.575.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc	Công ty con	Thuế xe	180.843.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ Bán tài sản Cho thuê văn phòng	507.065.837 8.197.975.230 49.528.483
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí Đầu tư vốn cổ phần	6.021.450.000 1.640.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm ELOGE France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho thuê văn phòng Cho vay	197.926.182 3.250.000.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Ứng trước tiền hàng Cho thuê văn phòng	34.977.685.000 34.909.091

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000
			<u>5.000.000.000</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc	Công ty con	Thuê xe	49.734.300
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hoá, dịch vụ	38.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Mới	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.277.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	595.405.779
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho thuê văn phòng	163.200.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.505.653.570
			<u>11.629.393.649</u>
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)			
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	1.281.900.000
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000
			<u>14.281.900.000</u>

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Thu lợi nhuận	94.849.900.321
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Cho vay không lãi	1.380.680.176
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Cho vay không lãi Lãi vay	3.070.000.000 408.885.279
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi Hàng gửi bảo hành	7.800.000 19.284.641
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay không lãi Lãi vay	700.000.000 357.777.778
			<u>100.794.328.195</u>
Phải trả người bán (Thuyết minh số 16.1)			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	4.712.115.945
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Công ty con	Mua hàng hóa	11.987.429.550
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Mua hàng hóa	507.065.837
			<u>17.206.611.332</u>
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 16.2)			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	23.607.447
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa	34.977.685.000
			<u>35.001.292.447</u>
Phải trả khác (Thuyết minh số 18)			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược để thực hiện hợp đồng	1.273.828.854
			<u>1.273.828.854</u>
Phải thu nội bộ			
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	598.873.033
			<u>598.873.033</u>
Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc			
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Cấp vốn kinh doanh	9.256.025.938
			<u>9.256.025.938</u>

JTT
 CP
 C
 CH T
 RNS
 VN
 TAI
 V K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.071.690.000	3.205.482.000
	3.071.690.000	3.205.482.000

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.373.755.657	3.591.144.000
Từ 1 – 5 năm	-	953.017.249
	1.373.755.657	4.544.161.249

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê tài sản và cho thuê văn phòng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	32.239.617.624	4.446.136.320
Từ 1 – 5 năm	104.245.979.460	2.153.031.820
	136.485.597.084	6.599.168.140

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 7, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

UỐC
 NH
 NG
 TẾM
 &'
 T. N
 HÀ P
 M-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
1	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-	25.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc	17.850.000.000	-	17.850.000.000
3	Công ty Cổ phần Elcom Plus	7.650.000.000	-	7.650.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	7.500.000.000	15.000.000.000
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.988.000.000	6.260.740.000	707.260.000
6	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	71.428.500.000	300.000.000	71.128.500.000
9	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
		635.346.500.000	64.692.240.000	570.654.260.000

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

180
 NH
 Y
 HỮU
 QUẢN
 M
 H
 P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VND	18	(579.123.983)
VND	-18	579.123.983
Năm trước		
VND	23	(566.497.231)
VND	-23	566.497.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.5. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ.

	Thay đổi tỷ giá	Đơn vị tính: VND Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
USD	+1%	650.137.804
USD	-1%	(650.137.804)
Năm trước		
USD	+1%	(1.298.866.914)
USD	-1%	1.298.866.914

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm</i>			
			<i>6 tháng - 1 năm</i>	<i>1 năm - 2 năm</i>	<i>2 năm - 3 năm</i>	<i>> 3 năm</i>
<i>Số cuối năm</i>	455.407.190.811	421.068.304.557	-	671.578.199	25.667.308.055	8.000.000.000
<i>Số đầu năm</i>	382.408.928.731	337.311.465.770	190.050.000	3.644.187.130	33.263.225.831	8.000.000.000

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm				
Các khoản vay và nợ	-	63.895.628.709	10.365.139.217	74.260.767.926
Phải trả khách hàng	190.597.221.338	-	-	190.597.221.338
Chi phí phải trả	375.569.773	-	-	375.569.773
Các khoản phải trả khác	12.372.653.345	-	-	12.372.653.345
	203.345.444.456	63.895.628.709	10.365.139.217	277.606.212.382
Số đầu năm				
Các khoản vay và nợ	-	70.143.981.559	-	70.143.981.559
Phải trả khách hàng	169.162.209.964	-	-	169.162.209.964
Chi phí phải trả	371.081.549	-	-	371.081.549
Các khoản phải trả khác	10.426.094.896	-	-	10.426.094.896
	179.959.386.409	70.143.981.559	-	250.103.367.968

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

Đơn vị tính: VND

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Đầu tư ngắn hạn	22.214.215.740	(2.962.671.833)	7.162.715.740	(2.962.718.757)	19.251.543.907	4.199.996.983
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.346.920.000	(2.962.671.833)	4.346.920.000	(2.962.718.757)	1.384.248.167	1.384.201.243
Cho vay dài hạn	14.400.000.000	-	14.400.000.000	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	144.403.982.001	(19.078.873.726)	121.403.186.137	(11.063.162.579)	125.238.836.105	110.340.023.558
Phải thu khách hàng	330.540.245.170	(1.479.960.540)	285.223.830.132	(3.812.667.753)	329.060.284.630	281.411.162.379
Phải thu khác	127.887.331.181	(1.540.425.000)	122.519.123.757	(21.426.497.405)	126.346.906.181	101.092.626.352
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.029.468.184	-	96.978.175.285	-	45.029.468.184	96.978.175.285
	684.475.242.276	(25.061.931.099)	647.687.031.051	(39.265.046.494)	659.327.039.007	608.421.984.557

Đơn vị tính: VND

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	74.260.767.926	70.143.981.559	74.260.767.926	70.143.981.559
Phải trả người bán	190.597.221.338	169.162.209.964	190.597.221.338	169.162.209.964
Chi phí phải trả	375.569.773	371.081.549	375.569.773	371.081.549
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.372.653.345	10.426.094.896	12.372.653.345	10.426.094.896
	277.606.212.382	250.103.367.968	277.606.212.382	250.103.367.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Vấn phòng Công ty đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Đã được trình bày trước đây</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Đã được trình bày lại</i>
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Phải thu dài hạn khác (i)	218	94.860.000	(94.860.000)	-
Tài sản dài hạn khác (i)	268	-	94.860.000	94.860.000
Đầu tư vào công ty con (ii)	251	66.489.820.000	17.360.740.000	83.850.560.000
Đầu tư dài hạn khác (ii)	258	153.163.926.137	(17.360.740.000)	135.803.186.137
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Doanh thu hoạt động tài chính (iii)	21	61.417.776.748	(641.041.201)	60.776.735.547
Chi phí tài chính (iii)	22	(5.924.433.636)	641.041.201	(5.283.392.435)

- (i) Phân loại lại khoản ký cược ký quỹ dài hạn sang tài sản dài hạn khác.
- (ii) Phân loại lại khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn sang đầu tư vào công ty con.
- (iv) Cán trừ lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty.



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

